TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2019/DS–ST

Ngày: 15-10-2019.

V/v tranh chấp "bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ.

2. Ông Lê Văn Mứt.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Ông Nguyễn Văn Dũng–Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST–DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2253/2019/QĐXXST–DS ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1953. Là người đại diện hợp pháp của anh Phan Văn T, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: ấpQTA, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp anh Phan Văn T: ông Dương Tiến N, sinh năm 1948; địa chỉ: 5C khu tập thể kp 3, phường PK, thành phố Bt, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Anh M Thanh P, sinh năm 1973. Địa chỉ: khu phố PT, phường AĐ, Quận BT, Thành phố Cần Thơ.

2.2 Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh P ủy quyền cho chị Đỗ Thị N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019.

Chị N có mặt.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Lê Thị Kiều Duyên C, sinh năm 1991; ấp QTA, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị Duyên C yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.1 Công ty AAA

Địa chỉ: LCT, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông SCB- chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Sơn P, Chức vụ: Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro, Tuân thủ và Kiểm toán theo giấy ủy quyền thường xuyên số 83/2017/UQ/AAA ngày 09/8/2017. Ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp QTA, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

3.3 Ông Lữ Duy Kh, sinh năm 1983; địa chỉ: 01C1 kp 3, p.7, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

3.4 Ông Lý Viết T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp TH, xã ATĐ, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Anh T yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Văn Đ- là người đại diện hợp pháp của anh Phan Văn T trình bày:

Vào khoảng 22 giờ ngày 27/7/2017 anh Phan Văn T (con ruột của ông) điều khiển xe mô tô biển số 71C3-269.82 lưu T trên quốc lộ 57 hướng từ xã Quới Đ đi huyện Mỏ Cày Nam. Khi đến km 67+50 Quốc lộ 57 thuộc ấp Phủ, xã Tân P, huyện P thì xảy ra tai nạn giao thông với xe ô tô biển số 71C-017.17 do anh M Thanh P điều khiển. Hậu quả làm anh T bị tổn hại sức khỏe 73% mất khả năng lao động. Sau tai nạn anh T phải điều trị tại các bệnh viện: Trung tâm Y tế huyện P, Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Phục hồi chức năng bệnh Nghề nghiệp,

Bệnh viện Y học Cổ truyền Bến Tre, Bệnh viện Tâm thần Bến Tre và phải tập vật lý trị liệu trong thời gian dài. Nguyên nhân xảy ra tai nạn theo Kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện P và của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P là do lỗi của 02 bên. Anh T cũng có lỗi do anh T điều khiển xe trong lúc có uống rượu, thiếu quan sát, không làm chủ tay lái còn anh P có lỗi là khi cho xe lùi không đảm bảo an toàn, không có người quan sát hướng dẫn khi lùi xe. Hiện tại anh T mất khả năng lao động, trong sinh hoạt hàng ngày anh T không thể tự lo cho bản thân cần phải có người khác chăm sóc, mất trí nhớ. Trước khi xảy ra tai nạn anh T không có tham gia bảo biểm y tế tự nguyện.

Do anh T bị chấn thương sọ não nên mất khả năng lao động, hạn chế khả năng nhận thức nên ông Đ có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự, ngày 14/9/2018 Tòa án nhân dân huyện P ban hành quyết định số 02/2018/QĐ-VDS ngày 14/9/2018 tuyên bố anh T là người mất năng lực hành vi dân sự. Trước khi xảy ra tai nạn anh T có làm thuê cho Cơ sở Cửa sắt HT do anh Nguyễn NH làm chủ, giữa anh T với anh H không có ký hợp đồng lao động, tiền công lao động của anh T là 200.000 đồng/ngày.

Ông đồng ý với Bản kết luận ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát huyện P nên không có khiếu nại gì.

Ông yêu cầu anh P và chị N phải liên đới bồi thường cho anh T các khoản như sau:

- Chi phí điều trị gồm:

+ Bệnh viện Y học Cổ truyền Bến Tre (02 đợt) là 3.069.310 đồng.

+ Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu là 17.853.359 đồng.

+ Bệnh viện Chợ Rẫy là 149.720.661 đồng.

+ Bệnh viện Phục hồi Chức năng điều trị bệnh Nghề nghiệp 65.963.931 đồng + 05 hóa đơn mua thuốc theo chỉ định của bác sĩ là 5.306.000 đồng

+ Chi phí tập vật lý trị liệu (02 đợt) là 10.550.000 đồng.

Tổng cộng là 252.463.261 đồng. Ông Đ yêu cầu anh P và chị N phải bồi thường ½ là 126.231.630 đồng;

- Chi phí đi lại trước đây ông yêu cầu là 4.750.000 đồng, nay ông yêu cầu là 4.200.000 đồng; do đó ông yêu cầu chị N và anh P phải liên đới bồi thường ½ với số tiền là 2.100.000 đồng, tại phiên tòa ông rút một phần yêu cầu với số tiền là 2.650.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của anh T từ ngày 27/7/2017 đến ngày 11/10/2019 là 26 tháng, tiền công 200.000 đồng/ngày nhưng ông chỉ tính trung bình mỗi tháng anh T làm việc khoảng 25 ngày x 200.000 đồng = 5.000.000 đồng; ông yêu cầu chị N và anh P phải liên đới bồi thường 5.000.000 đồng x 26 tháng x 1/2 = 65.000.000 đồng

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần mà anh T phải gánh chịu là 1.490.000 đồng x 50 tháng lương cơ bản = 74.500.000 đồng;

Tổng cộng là 267.831.630 đồng.

- Tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 100.000 đồng;

Nếu tại phiên tòa chị N đồng ý bồi thường cho anh T mà không yêu cầu anh P phải liên đới với chị N bồi thường cho anh T thì ông đồng ý và ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P.

Xe mô tô biển số 71C3-269.82 do ông làm chủ, ngày 27/7/2017 anh T sử dụng và xảy ra tai nạn, sau tai nạn ông có sữa chữa với với tiền khoảng hơn 2.000.000 đồng nhưng trong vụ này ông không yêu cầu chị N phải bồi thường nên ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu chị N bồi thường cho anh T các khoản chi phí nêu trên, không yêu cầu chị N phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng bị đơn Đỗ Thị N đồng thời được sự ủy quyền của bị đơn M Thanh P trình bày:

Vào 2017 chị có mua xe ô tô có biển số kiểm soát 71C-017.17 của ông Lý Viết T với số tiền là 149.000.000 đồng, khi mua bán hai bên không làm thủ tục chuyển quyền theo qui định mà chỉ viết giấy tay. Lúc chị mua xe thì ông T có đưa chị một giấy đăng ký xe ghi tên Lữ Duy Kh. Khi đó chị biết anh T mua xe ô tô của anh Khiêm rồi bán lại cho chị. Từ khi mua xe cho đến nay chị chưa làm thủ tục sang tên theo quy định, ngày 09/02/2019 âm lịch chị đã bán chiếc xe nêu trên cho người khác và cũng mua bán giấy tay với nhau. Ngày 27/7/2017 chị có giao xe cho anh P, chị Nguyễn Thị H (L) đi thu mua tôm. Khoảng hơn 10 giờ thì anh P, chị Linh điều khiển xe về bãi (nhà của chị L) để chờ đến 12 giờ 30 đi Kiên Giang nên khi tai nạn xảy ra chị không có mặt tại hiện trường. Chị nghe kể lại, khi điều khiển xe vào bãi, anh P có cho lùi xe, chị L là người hướng dẫn cho anh P lùi xe, khi đó phần sau của xe đã vào cổng nhà chị L, phần đầu xe nằm ở tim lộ, khi cho lùi xe anh P đảm bảo việc bật đèn xinhan, đèn ưu T đúng qui định. Lúc anh P đang điều khiển thì anh P nghe tiếng va chạm mạnh nên anh P xuống xe thì phát hiện có một người thanh niên điều khiển xe Honda va chạm vào xe tải của chị bị thương tích nặng. Lúc chị đến hiện trường thì chiếc xe của anh T còn dính vào cản xe còn anh T thì nằm gần đó, anh T vẫn còn thở nên chị chở anh T đến trạm Y tế xã Tân P thì bác sĩ yêu cầu chuyển đến bệnh viện P nên chị thuê xe chở anh T đến bệnh viện P với số tiền là 250.000 đồng, lúc đến bệnh viện P thì bác sĩ yêu cầu chuyển đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. Chị thuê xe đưa anh T đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu với số tiền 1.100.000 đồng. Ngoài ra trong thời gian anh T điều trị thương tích chị có hỗ trợ chi phí cho anh T số tiền là 15.000.000 đồng. Giữa chị với anh P không có ký kết hợp đồng lao động theo quy định nhưng anh P là người lái xe thuê cho trước đó khoảng 02 tháng.

Chị đồng ý với Bản kết luận ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát huyện P nên không có khiếu nại gì nhưng chị không đồng ý với việc kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về tình tiết "… *khi lùi xe không đảm bảo an toàn, không có người*

quan sát hướng dẫn phía sau xe khi lùi xe là vi phạm…”, bởi vì: khi anh P cho lùi xe thì có chị Linh hướng dẫn, quan sát chứ không phải là không có người hướng dẫn, quan sát. Lỗi trong trường hợp này là do anh T thiếu quan sát, đã uống rượu vượt nồng cồn theo quy định, không mở đèn chiếu sáng nên va chạm vào xe của chị nên anh T phải tự chịu trách nhiệm.

Chị không đồng ý bồi thường theo yêu cầu cho anh T và bà M, lý do: xe chị không có lỗi, các chi phí mà ông Đ, anh T, bà M yêu cầu là quá nhiều. Nếu Tòa án xác định xe chị có lỗi thì chị tự nguyện bồi thường toàn bộ theo bản án hoặc quyết định của Tòa án cho anh T nhưng phải khấu trừ số tiền và số tiền 15.000.000 đồng mà chị đã hỗ trợ cho anh T trước đó và tiền thuê xe đưa anh T đi cấp cứu là 1.350.000 đồng. Còn tiền mất thu nhập của bà M chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Chị không yêu cầu anh P phải liên đới với chị để bồi thường cho anh T, việc này là do chị tự nguyện.

Trong vụ án này chị không yêu cầu Công ty AAA phải liên đới với chị để bồi thường cho anh T và bà M, sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật chị sẽ liên hệ với Công ty AAA để giải quyết việc bồi thường, nếu giữa chị với Công ty AAA không tự giải quyết được, chị sẽ khởi kiện Công ty AAA thành vụ án khác.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà là mẹ của anh T, từ khi anh T bị tai nạn đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc anh T. Trước khi T bị tai nạn, bà đi nuôi bệnh ở các bệnh viện ở Thành phố HCM, thu nhập bình quân ngày+ đêm là 300.000 đồng, thu nhập này là ổn định, thường xuyên. Hiện nay, anh T không thể tự nuôi sống bản thân, hạn chế khả năng nhận thức, trong sinh hoạt hàng ngày của anh T phải có người giúp đở. Do đó, bà phải nghỉ việc để chăm sóc cho anh T từ ngày 27/7/2017 đến ngày 07/01/2019 nên bà bị mất thu nhập mỗi ngày là 300.000 đồng/ngày x 527 ngày = 79.050.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà không chứng minh được thu nhập hàng ngày của bà là 300.000 đồng nên tại phiên tòa bà tự nguyện rút một phần yêu cầu thu nhập là 150.000 đồng/ngày.

Nay bà yêu cầu chị N với anh P phải liên đới bồi thường cho bà số tiền như sau: 75.000 đồng/ngày x 794 ngày (tình từ ngày 27/7/2017 đến ngày 11/10/2019) = 59.550.000 đồng. Và yêu cầu chị N và anh P phải tiếp tục bồi thường mất thu nhập của bà tính từ ngày 12/10/2019, mỗi ngày là 75.000 đồng cho đến khi anh T chết. Bà bà tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh P và chị N với số tiền là 19.500.000 đồng. Nếu tại phiên tòa chị N đồng ý bồi thường cho bà mà không yêu cầu anh P phải liên đới với chị N bồi thường cho bà thì bà đồng ý và bà tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P

Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 bà Huỳnh Thị Nguyệt Nga- đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lữ Duy Kh trình bày: Vào khoảng cuối năm 2014 anh Lữ Duy Kh có bán cho anh Lý Viết T 01 xe tải có 71C-017.17 với số tiền là 170.000.000 đồng, anh Khiêm đã giao đầy đủ các giấy tờ xe cho anh T, anh Khiêm có ký giấy ủy quyền để anh T tiến hành các thủ tục chuyển quyền theo quy định nhưng anh T đã hoàn tất hay chưa thì bà không biết.

Theo bà, do anh T chưa làm thủ tục sang tên theo quy định mà bán lại xe cho chị N. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa anh T với chị N và anh P, do anh Khiêm đã bán đứt đoạn xe tải 71C-017.17 cho anh T, sau đó anh T bán lại cho chị N thì chị N phải có trách nhiệm bồi thường anh T.

Theo bản tự khai ngày 18/4/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Viết T trình bày:

Vụ tai nạn giao T vào khoảng 22 giờ ngày 27/7/2017 giữa xe mô tô 71C3-269.82 và xe ô tô 71C- 017.17 tại Km 97+50 Quốc lộ 57 thuộc ấp Phủ, xã Tân P, huyện P, tỉnh Bến Tre thì anh hoàn toàn không biết. Xe ô tô 71C- 017.17 anh mua lại của anh Lữ Duy Kh vào khoảng năm 2014 hay 2015 vì anh không N rõ, khi mua bán hai bên chỉ làm giấy tay chưa sang tên chuyển quyền theo quy định. Anh sử dụng xe ô tô 71C- 017.17 được khoảng hai năm thì bán lại cho chị Đỗ Thị N chiếc xe trên với giá là 149.000.000 đồng khi mua bán anh với chị N chỉ làm giấy tay chưa sang tên chuyển quyền. Do thủ tục chuyển quyền phải tốn kém nên anh với chị N không sang tên chuyển quyền. Anh chỉ biết chị Đỗ Thị N qua việc bán xe, ngoài ra không có quan hệ nào khác. Toàn bộ hồ sơ của chiếc xe do chị N giữ. Việc tai nạn anh hoàn toàn không biết, đối với yêu cầu của anh Phan Văn Đ và các tài liệu do ông Đ cung cấp, anh không có ý kiến gì, không liên quan gì do xe ô tô 71C- 017.17 anh đã bán lại cho chị N. Do bận nhiều công việc nên anh có đơn yêu cầu đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo Công văn số 1101/2019/CV-AAA người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Sơn P, Chức vụ: Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro, Tuân thủ và Kiểm toán của Công ty AAA trình bày:

Về quan hệ bảo hiểm: Xe ô tô biển số 71C-017.17 do anh Lữ Duy Kh là chủ xe tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự (TNDS) bắt buộc của chủ xe cơ giới tại Bảo hiểm AAA theo giấy chứng nhận bảo hiểm số BB 170004523; thời hạn bảo hiểm từ 0h00 ngày 04/3/2017 đến 0h00 ngày 04/03/2018; mức trách nhiệm bảo hiểm về người: 100.000.000đ/người/vụ, mức trách nhiệm bảo hiểm về tài sản: 100.000.000 đồng/vụ. Phí bảo hiểm đã được thanh toán đủ. Tai nạn xảy ra vào ngày 27/7/2017 tại km97+50QL57 thuộc địa bàn ấp Phủ, xã Tân P, huyện P, tỉnh Bến Tre trong gian bảo hiểm. Ngày 28/7/2017, Bảo hiểm AAA tiếp nhận T tin tai nạn liên quan tới bảo hiểm TNDS bắt buộc xe ô tô 71C-017.17 từ ông Khiêm T qua đường dây nóng. Nhân viên trung tâm giao dịch vụ khách hàng của AAA đã hướng dẫn chủ xe/lái xe thu thập và yêu cầu cung cấp hồ sơ để được xem xét chi trả quyền lợi bảo hiểm. Tuy nhiên chủ xe/lái xe không bổ túc hồ sơ theo hướng dẫn. Ngày 21/6/2018 (11 tháng sau ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm), Bảo hiểm AAA có văn bản số 1184/2018/CV-AAA/BTTT đề nghị ông Khiêm bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 T tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài Chính quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới để được xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Tuy nhiên, cho đến nay, Bảo hiểm AAA vẫn chưa nhận được bất kỳ T tin phản hồi nào từ ông Khiêm.

Cùng ngày 21/6/2018, Bảo hiểm AAA cũng đã có Công văn số 1183/2018/CV-AAA/BTTT gửi Công an huyện P, tỉnh Bến Tre để xin trưng cầu bộ hồ sơ tai nạn liên

quan đến xe 71C-017.17 nói trên nhưng không được phản hồi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 T tư số 22/2016/TT-BTC về Nguyên tắc bồi thường đối với vụ tai nạn ngày 27/7/2017, trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của bên thứ ba (ông Phan Văn T) thì mức bồi thường bảo hiểm về người đối với các đối tượng thuộc bên thứ ba bằng 50% mức bồi thường quy định Phụ lục 6 ban hành kèm theo T tư này (tối đa 50% mức trách nhiệm bảo hiệm tương ứng với 50.000.000 đồng. Việc bồi hoàn từ phái Bảo hiểm AAA chỉ được thực hiện khi:

- Chủ xe/lái xe có yêu cầu bồi thường;

- Chủ xe/lái xe đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn của AAA được quy định tại Điều 14 T tư số 22/2016/TT-BTC nói trên.

- Chủ xe/lái xe đã thực hiện việc bồi thường cho nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân vụ tai nạn nói trên.

- Thời hạn yêu cầu thanh toán và khiếu nại bồi thường còn hiệu lực theo khoản 1 Điều 15 T tư số 22/2016/TT-BTC.

Do chủ xe/lái xe không bổ túc hồ sơ theo quy định của Pháp luật; không yêu cầu Bảo hiểm AAA chi trả bồi thường; chủ xe/lái xe chưa thực hiện việc bồi thường cho nạn nhân; thời hạn yêu cầu thanh toán và khiếu nại bồi thường bảo hiểm đã hết nên Bảo hiểm AAA không có cơ sở để xem xét giải quyết bồi thường số tiền 50.000.000 đồng tương ứng với ½ mức trách nhiệm như đã nêu trên.

Về việc tham gia tố tụng: Chi nhánh Công ty AAA tại Tiền Giang (chi nhánh Tiền Giang) là đơn vị đại diện ký và cấp hợp đồng bảo hiểm cho xe ô tô mang biển số kiểm soát 71C-017.17 nói trên theo phân cấp của Bảo hiểm AAA. Chi nhánh Tiền Giang không được phân cấp giải quyết bồi thường cho Khách hàng. Việc xem xét và chi trả quyền lợi bảo hiểm (nếu có) do Bộ phận Bồi thường tập trung thuộc Bảo hiểm AAA tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) giữa khách hàng và AAA trên toàn quốc sẽ do Bộ phận Pháp chế và Người được ủy quyền thực hiện trong quá trình tham gia tố tụng. Đại diện theo ủy quyền Bảo hiểm AAA xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử của các cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phan Văn T trình bày:

Căn cứ vào Bản kết luận kiểm sát số 17/KL-VKS-HS ngày 21/5/2018 thì lỗi trong trường hợp này là lỗi của hai bên: anh T cũng có lỗi do đã sử dụng rượu, bia, điều kiển xe không mở đèn chiếu sáng, thiếu chú ý quan sát còn anh P cũng có lỗi do lùi xe không đảm bảo an toàn, không có người quan sát hướng dẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 590, 593, 601 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ, buộc chị N phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền như sau:

- Chi phí điều trị là 126.231.630 đồng;

- Chi phí đi lại là 2.100.000 đồng;

- Tiền mất thu nhập của anh T với số tiền là 65.000.000 đồng

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng;

Tổng cộng là 267.831.630 đồng.

- Tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 100.000 đồng;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xe ô tô biển số 71C-017.17 do chị N là chủ sở hữu, ngày 27/7/2017 chị N có giao xe cho anh P điều khiển, tuy giữa anh P với chị N không ký kết hợp đồng nhưng anh P và chị N đều thừa việc ngày 27/7/2017 chị cho N có giao xe anh P, do đó chị N là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Tai nạn xảy ra ngày 27/7/2017 theo Bản kết luận số 17/KL-VKS-HS ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P thì anh P cũng có một phần lỗi nhưng nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là do anh T đã điều kiển phương tiện tham gia giao T trong tình trạng đã có sử dụng rượu, bia với nồng độ là 162mg/100ml máu (vướt quá trị số bình thường 0-50mg/100ml máu) vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao T đường bộ; điều khiển xe không mở đèn chiếu sáng vào ban đêm, thiếu chú ý quan sát, khi phát hiện chướng ngại vật không kịp xử lý. Do đó, anh T phải chịu 2/3 tỷ lệ thiệt hại tương ứng mức độ lỗi của anh T. Còn anh P phải chịu phần lỗi khi lùi xe không đảm bảo an toàn, không có người quan sát hướng dẫn phía sau nên phải chịu 1/3 tỷ lệ thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của anh P. Tại phiên tòa ông Đ tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện với anh P nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 4, khoản 8 Điều 18 Luật giao T đường bộ và các Điều 584, 585, 586, 588, 590, 593, 601 của Bộ luận Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, chấp nhận một phần khởi kiện của ông Đ và bà M, cụ thể: buộc chị N phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền là:

- Chi phí điều trị là 252.463.260 đồng x 1/3 = 84.154.420 đồng;

- Chi phí đi lại là 4.200.000 đồng x 1/3 = 1.400.000 đồng;

- Tiền mất thu nhập của anh T với số tiền là đồng 130.000.000 đồng x 1/3 = 43.333.333 đồng;

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng x 1/3 đồng = 24.833.333 đồng.

Tổng cộng là 153.712.086 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền 16.350.000 đồng mà chị N đã đưa trước cho gia đình anh T, số còn lại chị N phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T là 137.362.086 đồng.

- Tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 100.000 đồng;

Buộc chị N phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà M số tiền là 50.000 đồng/ngày x 794 ngày (tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 11/10/2019) = 39.700.000 đồng. Và chị N phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường mất thu nhập cho bà M tính từ ngày 12/10/2019, mỗi ngày là 50.000 đồng cho đến khi anh T chết;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ và bà M về việc rút một yêu cầu khởi kiện đối với anh P và chị N là 26.886.510 đồng.

Do ông Đ không yêu cầu chị N bồi thường chi phí sửa xe mô tô biển số 71C3-269.82 nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm" theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn Đỗ Thị N có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: 100/4 ấp Quí Thế, xã Quới Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre và bị đơn M Thanh P có đăng ký hộ khẩu tại: Khu phố Phước Thới, Phường An Đông, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ nhưng hiện nay đang sinh sống tại ấp Quí Thế, xã Quới Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty AAA và chị Lê Thị Kiều Duyên C, anh Lý Viết T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt Công ty AAA, chị Lê Thị Kiều Duyên C và anh Lý Viết T.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lữ Duy Kh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh Khiêm vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Khiêm.

[4] Về nội dung vụ án: căn cứ vào Bản kết luận kiểm sát ngày 21/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre thì: khoảng 22 giờ, ngày 27/7/2017 anh Phan Văn T sau khi đã có sử dụng rượu, bia, điều khiển xe mô tô biển số 71C3-269.82 lưu thông trên Quốc lộ 57 hướng từ xã Quới Đ đi huyện Mỏ Cày Nam. Khi đến km67+50, Quốc lộ 57 thuộc ấp Phủ, xã Tân P, huyện P, tỉnh Bến Tre do không làm chủ tay lái, thiếu chú ý quan sát đã va chạm với xe ô tô biển số 71C-017.17 do anh M Thanh P đang điều khiển cho xe lùi từ Quốc lộ 57 vào sân nhà bà Nguyễn Thị Hằng gây tai nạn. Hậu quả tai nạn làm anh T bị chấn thương nặng được đưa đi cấp

cứu ở Bệnh viện P, Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Phục hồi chức năng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 64-318/TGT ngày 09/3/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của anh T là 73%. Ngày 05/7/2018 ông Phan Văn Đ là cha của anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P tuyên bố một người người mất năng lực hành vi dân sự, ngày 14/9/2018 Tòa án nhân dân huyện P tuyên bố anh T là người mất năng lực hành vi dân sự.

Do anh T là người mất năng lực hành vi dân sự nên ông Đ khởi kiện yêu cầu anh P và chị N phải liên đới bồi thường cho anh T các khoản như sau: ½ chi phí điều trị là 126.231.630 đồng; ½ chi phí đi lại là 2.100.000 đồng; ½ tiền mất thu nhập là 65.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng và tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M yêu cầu chị N với anh P phải liên đới bồi thường cho bà số tiền là 59.550.000 đồng. Và bà yêu cầu chị N và anh P phải tiếp tục bồi thường mất thu nhập của bà tính từ ngày 12/10/2019, mỗi ngày là 75.000 đồng cho đến khi anh T chết.

Ông Đ không yêu cầu chị N phải bồi thường chi phí sửa xe mô tô biển số 71C3-269.82 và không yêu cầu bồi thường cho anh T thêm khoản chi phí nào khác.

Chị Đỗ Thị N không đồng ý bồi thường theo yêu cầu cho anh T, ông Đ và bà M, lý do: anh P không có lỗi khi cho lùi xe, các chi phí mà ông Đ, anh T, bà M yêu cầu chị bồi thường là quá nhiều. Nếu Tòa án xác định anh P có lỗi khi cho lùi xe thì chị tự nguyện bồi thường toàn bộ theo bản án hoặc quyết định của Tòa án cho anh T nhưng phải khấu trừ số tiền 1.350.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng mà chị đã hỗ trợ cho anh T trước đó. Còn tiền mất thu nhập của bà M chị đề nghị xem xét giải quyết theo quy định. Chị không yêu cầu anh P phải liên đới với chị để bồi thường cho anh T, việc này là do chị tự nguyện.

[5] Xét yêu cầu của ông Đ và bà M về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P. Xét thấy: việc rút yêu cầu này của ông Đ và bà M là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà M với anh P.

[6] Xét yêu cầu của ông Đ và bà M về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P, chị N với số tiền 26.886.510 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu này của ông Đ và bà M là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về lỗi trong việc gây thiệt hại, căn cứ vào Bản kết luận kiểm sát số 17/KL-VKS-HS ngày 21/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P thì nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn là do anh T tham gia giao T trong tình trạng đã có sử dụng rượu, bia với nồng đồ là 162mg/100ml máu (vượt quá trị số bình thường 0-

50mg/100ml) vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ; điều khiển xe không mở đèn chiếu sáng vào ban đêm, thiếu chú ý quan sát, khi phát hiện chướng ngại vật không kịp xử lý là vi phạm khoản 5 Điều 4 Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, anh T phải chịu 2/3 tỷ lệ thiệt hại tương ứng mức độ lỗi của anh T. Còn anh P phải chịu phần lỗi khi lùi xe không đảm bảo an toàn, không có người quan sát hướng dẫn phía sau khi lùi xe là vi phạm khoản 5 Điều 4 Luật giao thông đường bộ nên phải chịu 1/3 tỷ lệ thiệt hại tương ứng với mức độ. Mặt khác, tại điểm 1 tiểu mục 1.1 mục 1 tiểu mục 1.2 mục I Phần III Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và điểm 13 Điều 13 Luật giao thông đường bộ thì phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm xe ô tô, xe mô tô hai bánh…Do đó, xe ô tô biển số 71C-017.17 được xác định là phương tiện giao thông thuộc nguồn nguy hiểm cao độ và chị N là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Tại khoản 2 Điều 601 của Bộ luật Dân dự năm 2015 quy định "*Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khá*c". Đồng thời, căn cứ vào Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 27/7/2017, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/7/2017, biên bản ghi lời khai đối với chị Nguyễn Thị Hằng ngày 05/8/2017 và biên bản ghi lời lời khai của anh M Thanh P ngày 07/9/2017 do Công an huyện P cung cấp cho Tòa án, anh P khai "*…tôi cầm lái cho xe lùi vào trong sân nhà chị Hằng, trong lúc xe đang lùi cản xe và đầu xe còn nằm bên lề phải đường theo hướng xe tôi điều khiển, đầu xe còn nằm lấn sang lề trái theo hướng xe lưu hành còn khoảng 50cm thì bất ngờ có xe mô tôi điều kiển theo hướng từ xã Tân P đi Mỏ Cày Nam cùng chiều xe với hướng xe ô tô của tôi…Tôi là tài xế và đang điều kiển xe ô tôi tải lùi xe vào bên trong sân nhà lúc đó tôi không đảm bảo giao thông. Khi xảy ra tai nạn giao thông giữa xe ô tô tải của tôi và xe mô tô tôi nhận thấy xe tôi đang lùi xe và dừng lái ngay giữa lộ tôi biết là tôi có lỗi…"* (bút lục 117, 118, 119, 120). Lẽ đó, việc chị N cho rằng chị và anh P không có lỗi trong vụ tai nạn nêu trên là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do ông Đ cung cấp để chứng minh cho thiệt hại của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với chi phí điều trị của anh T tại các bệnh viện: căn cứ vào các Bảng kê khám chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Phục hồi Chức năng Điều trị bệnh Nghề nghiệp, Bệnh viện Y học Cổ truyền Bến Tre và các hóa đơn bán lẽ thể hiện tổng chi phí điều trị cho anh T là 252.463.260 đồng. Các khoản chi phí này là những chi phí hợp lý cho việc cứu chữa theo sự chỉ định của bác sĩ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị N phải bồi thường cho anh T số tiền là 252.463.260 đồng x 1/3 = 84.154.420 đồng.

- Đối với chi phí đi lại là 2.100.000 đồng, xét thấy: tỉ lệ thương tật của anh T theo kết quả giám định là 73% nên việc đi lại rất khó khăn cần phải thuê xe đi lại là phù hợp nên buộc chị N phải bồi thường cho anh T là 4.200.000 đồng x 1/3= 1.400.000 đồng.

- Đối với tiền mất thu nhập của anh T, xét thấy: theo biên bản xác minh ngày 24/7/2019 đối với anh Nguyễn Ngọc H thì anh T có học nghề tại cơ sở cửa sắt của anh H khoảng đầu năm 2017, mỗi ngày anh T được anh H chi trả 200.000 đồng/ngày, trung bình mỗi tháng anh T làm công từ 24-26 ngày. Do đó, có căn cứ trước khi xảy ra tai nạn giao thông anh T có việc làm ổn định, sau tai nạn anh T bị mất hoàn toàn khả năng lao động nên căn cứ khoản 1 Điều 593 của Bộ luật Dân sự, buộc chị N phải bồi thường cho anh T tiền mất thu nhập của cho anh T như sau: 5.000.000 đồng/tháng x 26 tháng x 1/3 = 43.333.333 đồng. Và phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 67.000 đồng;

- Đối với khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần, ông Đ yêu cầu chị N phải bồi thường 1.490.000 đồng x 50 tháng = 74.500.000 đồng, xét thấy: sai tai nạn anh T bị liệt mềm tứ chi, tổn thương sọ não, gãy xương sườn 4,5,6,7,8,9,10,11…, tổng thương tích tỉ lệ là 73%, hiện sức khỏe chưa hồi phục cần phải có người chăm sóc, giúp đở nên ảnh hưởng rất lớn về thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và bản thân anh T. Vì vậy, cần buộc chị N phải bồi thường tổn thất về tinh thần tương xứng với mức độ lỗi theo khoản khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự và điểm tiểu mục 1.5 mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc chị N phải bồi thường cho anh T 50 tháng x 1.490.000 đồng x 1/3 = 24.833.333 đồng.

[9] Xét yêu cầu mất thu nhập của bà M, xét thấy: anh T bị thương tích với tỉ lệ 73%, anh T bị liệt mềm tứ chi nên khi điều trị tại bệnh viện và sau khi ra viện anh T cần phải tiếp tục điều trị, điều dưỡng và cần phải có người trực tiếp chăm sóc. Do đó, việc bà M yêu cầu chị N phải bồi thường tiền mất thu nhập cho bà là phù hợp với quy định tại tiểu mục 1.4 mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và xác nhận ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã HL thì mức thu nhập lao động phổ thông tại địa phương là 150.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ án này anh T phải chịu 2/3 mức độ lỗi nên buộc chị N phải bồi thường bà M số tiền là 150.000 đồng/ngày x 794 ngày (tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 11/10/2019) x 1/3 = 39.700.000 đồng. Và phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập cho bà M tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 50.000 đồng;

[10] Như vậy, chị N có nghĩa vụ bồi thường cho anh T và bà M số tiền như sau:

Đối với anh T là:

- Chi phí điều trị là 84.154.420 đồng.

- Chi phí đi lại là 1.400.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập là 43.333.333 đồng.

- Tiền bù đắp về tổn thất tinh thần là 24.833.333 đồng.

Tổng cộng chị N phải bồi thường cho anh T số tiền là 153.721.086 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền 16.350.000 đồng mà chị N đã giao cho ông Đ trước đó, số còn lại chị N phải bồi thường cho anh T là 137.371.086 đồng. Và phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập của anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 67.000 đồng;

Đối với bà M: chị N phải bồi thường mất thu nhập của bà M là 39.700.000 đồng. Và phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập cho bà M tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 50.000 đồng.

[11] Do ông Đ không yêu cầu chị N phải bồi thường chi phí sửa xe mô tô biển số 71C3-269.82 và không yêu cầu bồi thường cho anh T thêm khoản chi phí nào khác nên không xem xét giải quyết.

[12] Do chị N không yêu cầu Công ty AAA phải liên đới với chị để bồi thường cho anh T và bà M nên không xem xét giải quyết.

[13] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh T.

[14] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí sân sự sơ thẩm là: 177.071.086 x 5%= 8.853.554 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40, 147, 217, 218, 219, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 590, 593, 601 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M đối với anh M Thanh P.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M đối với chị Đỗ Thị N và anh M Thanh P số là tiền 26.886.510 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ. Buộc chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phan Văn T số tiền là 137.371.086 đồng. Và chị Đỗ Thị N phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập cho anh T tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 67.000 đồng. Số tiền bồi thường nêu trên do ông Phan Văn Đ cha ruột của anh Phan Văn T đại diện nhận.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 39.700.000 đồng. Và phải tiếp tục bồi thường tiền mất thu nhập cho bà M tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi anh T chết mỗi ngày là 50.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Do ông Đ không yêu cầu chị N phải bồi thường chi phí sửa xe mô tô biển số 71C3-269.82 và không yêu cầu bồi thường cho anh T thêm khoản chi phí nào khác nên không xem xét giải quyết.

6. Do chị N không yêu cầu Công ty AAA phải liên đới với chị để bồi thường cho anh T và bà M nên không xem xét giải quyết.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí sân sự sơ thẩm là: 8.853.554 đồng.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân